

Bản án số: **68/2024/DS-ST**

Ngày: 19/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Trung Nam
- Ông Nguyễn Duy Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Lê Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 408/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2023/QĐXXST-DS ngày 05/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 408/2023/QĐST-DS ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S1** ; Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức danh: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S1 – CN Sông Hàn.

Người được uỷ quyền: Ông Trần Triệu K – Chức danh: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro- Theo Giấy uỷ quyền số: 172H/2023/GUQ – CNSH ngày 29/5/2023. Có mặt

* *Bị đơn:* Ông **Đặng Phúc S**, sinh năm: 1970; Địa chỉ thường trú: Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 23/03/2022, Ông Đặng Phúc S có ký với Ngân hàng TMCP S1 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng), ông Đặng Phúc S được cấp 2 khoản vay:

- Thẻ tín dụng quốc tế VS Platinum Cashback số 436438-1354: Lãi suất áp dụng 2,4%/tháng; ngày 01/11/2022 lãi suất 1,932%/tháng (lãi suất trong hạn) và được S2 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Căn cứ thu nhập của Ông S, Ngân hàng đã đồng ý đồng ý hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 05/08/2022 Ngân hàng đã nâng hạn mức từ 300.000.000 đồng lên 600.000.000 đồng.

Sau khi được cấp thẻ ông S đã thực hiện 10 giao dịch với tổng số tiền 644.090.673 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông S, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 304.946.353 đồng và sau đó thì vi phạm cam kết trả nợ. Đến ngày 06/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19/07/2024, khoản dư nợ thẻ tín dụng quốc tế VS Platinum Cashback số 436438-1354 là 624.262.020 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.105.063 đồng; Lãi quá hạn là 124.156.957 đồng; phí thẻ 0 đồng.

- Thẻ tiêu dùng VTD SacombankPay số 356480 – 7928 . Lãi suất quy định vay là 1.55%/tháng và được S2 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 400.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đối với khoản vay ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/10/2023. Tính đến ngày 19/07/2024, dư nợ đối với thẻ VTD SacombankPay số 356480 – 7928 phát sinh số tiền là 157.899.512 đồng. Trong đó: Nợ gốc 130.743.876 đồng; Lãi quá hạn là 27.155.363 đồng; Phí thẻ 0 đồng.

Cả hai khoản vay của ông S đều quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông S trả nợ nhưng đến nay ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký với ngân hàng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng TMCP S1 đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc ông Đặng Phúc S trả cho Ngân hàng tổng số tiền của hai khoản vay tính đến ngày 19/07/2024 là **782.161.532 đồng** (*B trăm tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi triệu năm trăm ba mươi hai đồng*). cụ thể:

- + Thẻ VS Platinum Cashback số 436438-1354 dư nợ là 624.262.020 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.105.063 đồng; Lãi quá hạn 124.156.957 đồng; Phí thẻ 0 đồng

+ Thẻ tiêu dùng VTD SacombankPay số 356480 – 7928 dư nợ là 157.889.512 đồng. Trong đó: Nợ gốc 130.743.876 đồng; Lãi quá hạn là 27.155.636 đồng; Phí thẻ 0 đồng

- Ông Đặng Phúc S tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/07/2024 cho đến khi trả toàn bộ nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

* Bị đơn Ông Đặng Phúc S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tại phiên họp ngày 26/4/2024 như sau:

Ngày 23/03/2022, tôi có ký với Ngân hàng TMCP S1 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý đồng ý cấp 02 khoản vay tín dụng gồm:

- Thẻ tín dụng quốc tế VS Platinum Cashback số 436438-1354, hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 05/08/2022, Ngân hàng đã nâng hạn mức từ 300.000.000 đồng lên 600.000.000 đồng

Sau khi được cấp thẻ tín dụng VS Platinum Cashback số 436438-1354, tôi đã thực hiện 10 giao dịch với tổng số tiền 644.090.673 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay tôi đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 304.946.353 đồng. Sau đó do khó khăn tôi không tiếp tục thanh toán được và vi phạm nghĩa vụ. Ngân hàng cung cấp số liệu tính đến ngày 26/04/2024 dư nợ thẻ VS Platinum Cashback số 436438-1354 là 583.198.435 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.105.063 đồng; Lãi quá hạn 83.093.372 đồng; phí thẻ 0 đồng

Ngoài ra tôi còn sử dụng Thẻ tiêu dùng VTD SacombankPay số 356480 – 7928 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 400.000.000 đồng. Khoản vay này tôi không thanh toán được nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 26/04/2024 Thẻ VTD SacombankPay số 356480 – 7928 có dư nợ là 149.286.717 đồng. Trong đó: Nợ gốc 130.743.876 đồng; Lãi quá hạn 18.542.841 đồng, phí thẻ 0 đồng

Tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải hôm nay ngày 26/4/2024, tôi xác nhận số liệu dư nợ do Ngân hàng cung cấp nêu trên đối với toàn bộ dư nợ của hai khoản nợ nêu trên là 732.485.152 đồng, cụ thể:

- Thẻ VS Platinum Cashback số 436438-1354 là 583.198.435 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.105.063 đồng; Lãi quá hạn 83,093,372 đồng; phí thẻ 0 đồng;

- Thẻ tiêu dùng VTD SacombankPay số 356480 – 7928 tổng dư nợ là 149.286.717 đồng. Trong đó: Nợ gốc 130.743.876 đồng; Lãi quá hạn là 18.542.841 đồng; phí thẻ 0 đồng.

Hiện nay tôi đang gặp khó khăn trong làm ăn nên tôi xin ngân hàng tạo điều kiện cho tôi gia hạn thời gian 24 tháng để trả dần số nợ và xin xem xét giảm một phần lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện Ông Đặng Phúc S, sinh năm: 1970; Địa chỉ thường trú: D Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do đó, thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 đối với bị đơn ông Đặng Phúc S thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Phúc S, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông S không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Đặng Phúc S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu ông Đặng Phúc S trả dư nợ tín dụng tính đến ngày 19/07/2024 là 782.161.532 đồng thì thấy: Ngày 23/03/2022, ông Đặng Phúc S đã ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và được Ngân hàng TMCP S1 thương Tín cấp hai khoản vay tín dụng gồm:

- Thẻ tín dụng quốc tế VS Platinum Cashback số 436438-1354. Hạn mức thẻ ngân hàng cấp lần đầu là 300.000.000đồng. Sau đó căn cứ vào thu nhập của ông S Ngân hàng đã nâng hạn mức từ 300.000.000đồng lên 600.000.000 đồng từ ngày 05/08/2022.

Ông Đặng Phúc S đã thực hiện 10 lần giao dịch với tổng số tiền là 644.090.673đồng và đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 304.946.353 đồng sau đó không trả được nợ theo cam kết

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 304.946.353 đồng sau đó thì vi phạm cam kết trả nợ. Đến ngày 06/11/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19/07/2024, khoản dư nợ thẻ tín dụng quốc tế VS Platinum Cashback số 436438-1354 là 624.262.020 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.105.063

đồng; Lãi quá hạn 124.156.957 đồng; phí thẻ 0 đồng.

- Thẻ tiêu dùng VTD SacombankPay số 356480 – 7928

Ông Đặng Phúc S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 400.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/10/2023. Tính đến ngày 19/07/2024, dư nợ đối với thẻ VTD SacombankPay số 356480 – 7928 là 157.899.512 đồng. Trong đó: Nợ gốc 130.743.876 đồng; Lãi quá hạn là 27.155.363 đồng; phí thẻ 0 đồng.

Ông Đặng Phúc S đã thừa nhận cả hai khoản vay nêu trên của Ngân hàng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/4/2024. Ông trình bày hiện nay đang gặp khó khăn trong làm ăn nên xin ngân hàng tạo điều kiện cho ông gia hạn thời gian 24 tháng để trả dần số nợ và xin xem xét giảm một phần lãi nhưng ngân hàng không đồng ý.

Dư nợ vay của ông Đặng Phúc S đối với hai khoản vay tính đến ngày 19/07/2024 là 782.161.532 đồng. Cụ thể:

+ Thẻ VS Platinum Cashback số 436438-1354 dư nợ là 642.262.020 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.105.063 đồng; Lãi quá hạn 124.156.957 đồng; phí thẻ 0 đồng

+ Thẻ tiêu dùng VTD SacombankPay số 356480 – 7928 dư nợ là 157.889.512 đồng. Trong đó: Nợ gốc 130.743.876 đồng; Lãi quá hạn là 27.155.636 đồng; phí thẻ 0 đồng.

Xét thấy ông Đặng Phúc S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đặng Phúc S trả toàn bộ nợ đối với 2 khoản vay nêu trên là hoàn toàn có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S1 buộc ông S tiếp tục trả lãi quá hạn kể từ ngày 20/07/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) là phù hợp với Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Ông Đặng Phúc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP S1 với ông Đặng Phúc S về tiền gốc và lãi phát sinh;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Đặng Phúc S trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền tính đến ngày 19/07/2024 là 782.161.532 đồng (*B trăm tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm ba mươi hai đồng*). Cụ thể:

+ Thẻ VS Platinum Cashback số 436438-1354 dư nợ là 642.262.020 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.105.063 đồng; Lãi quá hạn 124.156.957 đồng; Phí thẻ 0 đồng.

+ Thẻ tiêu dùng VTD SacombankPay số 356480 – 7928 dư nợ là 157.889.512 đồng. Trong đó: Nợ gốc 130.743.876 đồng; Lãi quá hạn 27.155.636 đồng; Phí thẻ 0 đồng.

2. Ông Đặng Phúc S tiếp tục trả lãi quá hạn kể từ ngày 20/07/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

3. Về án phí:

- Ông Đặng Phúc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.286.461 đồng (*Ba mươi lăm, triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi mốt đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền tạm ứng án phí 14.744.468 đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 00001085 ngày 21/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/7/2024 ; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân